

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 13/2022/KDTM-GĐT

Ngày 25/9/2022

Về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
tham gia xét xử giám đốc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Cường;

Các Thẩm phán: ông Phạm Tấn Hoàng và ông Lê Phước Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên
tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp hợp đồng tín
dụng*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV A. Địa chỉ: 22 Hàng V, phường T, quận
H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền gồm:

- Bà Nguyễn Thị Kim X – Giám đốc QLKH khu vực Miền Trung.

- Ông Nguyễn Xuân S - Chuyên gia cao Cấp - Khối QL&TCTTS.

- Ông Hoàng Thế Q- Chuyên gia QLKH - Khối QL&TCTTS.

- Ông Nguyễn Văn L: Chuyên viên tố tụng- Khối QL&TCTTS theo Hợp
đồng ủy quyền số: 6962/2018/UQ.VAMC-PVCOMBANK ngày 29/12/2018; Giấy
ủy quyền số: 10998/UQ-PVB ngày 02/11/2017 và Giấy ủy quyền số: 16808/UQ-
PVB ngày 02/12/2019.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ M;

Địa chỉ: 203-211 (cũ), 331-337 (mới) đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Bá H - Giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T là nhân viên Công ty
(theo Giấy ủy quyền ngày 24/8/ 2020).

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Thanh S -
Luật sư của Công ty Luật N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:* Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ M vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh tại Đà Nẵng (sau đây viết tắt là PVCOMBANK) theo 04 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 16/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015 với hạn mức 145.000.000.000đ. Lãi hiện tại là 12%/năm, lãi quá hạn là 18%/năm. Đã giải ngân toàn bộ số tiền: 145.000.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số: 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015 có trị giá 22.000.000.000đ. Lãi suất hiện tại là 12%/năm, quá hạn là 18%/năm. Đã giải ngân toàn bộ số tiền: 22.000.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số: 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016 có trị giá hạn mức 9.991.800.000đ. Lãi suất hiện tại là 11%/năm, quá hạn 16,5%/năm. Đã giải ngân trong hạn mức số tiền: 1.348.200.000đ;

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 24/01/2017 có giá trị hạn mức 7.500.000.000đ. Lãi suất hiện tại quá hạn 13,8%/năm. Đã giải ngân trong hạn mức số tiền: 7.499.004.866đ.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M với tổng dư nợ tính đến nay là 175.847.204.866đ. Tính đến ngày 20/11/2019, Công ty M đã thanh toán nợ cho Ngân hàng tổng số tiền: 35.008.793.875đ, trong đó nợ gốc: 1.937.862.110đ và nợ lãi: 33.070.931,765đ. Phần nghĩa vụ vi phạm tính đến hết ngày 20/11/2019 là: 233.814.818.324đ, trong đó nợ gốc: 173.514.133.756 đồng và tiền lãi: 60.300.684.568 đồng.

Để đảm bảo nợ vay, Công ty M đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 05/11/2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: PL01-26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 24/01/2017, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA443870 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/6/2015.

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số: 28/2015/HĐBĐ-PVB-CNĐNg ngày 19/01/2016, tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc công trình khách sạn M (là các tài sản gắn liền và không thể tách rời với các công trình khách sạn M).

- Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 22/2016/HĐBĐ-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016, tài sản thế chấp là xe ô tô Mercedes biển kiểm soát số 43A-216.08 theo Giấy chứng

nhận đăng ký xe ô tô số 025596 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/7/2016.

Ngày 29/12/2018, Ngân hàng đã thực hiện việc bán nợ của Công ty M tại Ngân hàng cho Công ty TNHH MTV A theo Hợp đồng mua, bán nợ số: 6961/2018/MBN.VAMC-P VCOMBANK và đã gửi Công văn số 1407/PVB-QL&TCTTS để thông báo cho Công ty M về việc mua, bán nợ cũng như tiếp tục thực hiện các phương án xử lý đối với khoản nợ của Công ty M.

Do Công ty M vi phạm cam kết trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng, không tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm theo cam kết cũng như cố tình cản trở Công ty TNHH MTV A thực hiện quyền theo quy định của pháp luật. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty TNHH MTV A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty M phải trả cho Công ty TNHH MTV A tổng số tiền 246.226.548.732 đ, trong đó nợ gốc: 173.514.133.756đ và nợ lãi tính đến ngày 21/5/2020: 72.712.414.976đ.

- Công ty M phải tiếp tục trả cho Công ty TNHH MTV A các khoản nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: 16/2015/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 02/11/2015; số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐN; Số 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016; số 44/2016/HĐHM-PVB- CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/VB-CNĐN ngày 24/01/2017 kể từ ngày 22/5/2020 cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

- Nếu Công ty M không thanh toán được toàn bộ số nợ thì Công ty TNHH MTV A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại đồng thời hoặc lần lượt các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên.

- *Bị đơn trình bày:* Công ty M thừa nhận còn nợ Công ty TNHH MTV A số tiền là 233.814.818.324đ; trong đó dư nợ gốc là 173.514.133.756đ và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 20/11/2019 là 60.300.684.568đ. Tuy nhiên, hiện nay Công ty M đang khó khăn về kinh tế nên chưa thể trả số nợ trên cho nguyên đơn được, khi nào Công ty M bán được khách sạn M thì sẽ trả nợ trên.

Ngân hàng đã bán các khoản nợ cho Công ty TNHH MTV A. Nếu Công ty TNHH MTV A khởi kiện đòi nợ Công ty M thì chấp nhận còn nếu tranh chấp hợp đồng kinh tế thì Công ty M không chấp nhận vì giữa hai bên không có hợp đồng kinh tế nào (không đồng ý cho Công ty TNHH MTV A xử lý tài sản thế chấp).

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- *Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm g, khoản 1 điều 40, khoản 1 điều 147, khoản 2 điều 227, điều 235 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.*

- *Căn cứ các điều 299, 317, 365, 368, 463 Bộ luật dân sự.*

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Công ty TNHH MTV A với Công ty M.

2. Xử: Buộc Công ty M phải trả cho Công ty TNHH MTV A tổng số tiền 246.226.548.732đ (hai trăm bốn mươi sáu tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi hai đồng). Trong đó có 173.514.133.756đ (một trăm bảy mươi ba tỷ năm trăm mười bốn triệu một trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi sáu đồng) nợ gốc và 72.712.414.976đ (bảy mươi hai tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bốn trăm mười bốn ngàn, chín trăm bảy mươi sáu đồng) nợ lãi.

Nếu Công ty M không trả nợ thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 203-205-207-209-211 Nguyễn Văn L, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA443870 do Sở tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 6 năm 2015, số vào sổ GCN: CT24736; toàn bộ máy móc và thiết bị thuộc công trình khách sạn M được mô tả theo phụ lục Hợp đồng kinh tế số 03 -03/2013/HĐKT ngày 25 tháng 11 năm 2013 được ký giữa Công ty M và Công ty CP V và các hợp đồng mua bán thiết bị khác cho khách sạn M, xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025596 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25 tháng 7 năm 2016 sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Tiền nợ lãi tiếp tục tính kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng 16/2015/HĐTD-PVB- CNĐN ngày 02/11/2015, hợp đồng tín dụng số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 02/11/2015, hợp đồng tín dụng số 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016, hợp đồng hạn mức tín dụng số 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo và công bố các quy định về quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 01/6/2020, bị đơn có đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm vì lý do Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án phải là Tòa án nhân dân quận K, nơi Công ty M có trụ sở 331-337 (mới) Nguyễn Văn L, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, giữa Công ty TNHH MTV A và Công ty M không ký kết bất kỳ một hợp đồng tín dụng nào nên sẽ không có nguyên nhân trực tiếp phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn như Tòa án nhân dân quận C viện dẫn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

*Căn cứ: - Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM - ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Công ty M còn nợ Công ty TNHH MTV A tổng số tiền 261.387.285.483đ (hai trăm sáu mươi một tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là 173.514.133.756đ và nợ lãi tính đến hết ngày 26/10/2020 là: 87.873.151.727đ, gồm: lãi trong hạn là 66.523.121.181 đ, lãi quá hạn là 9.417.044.819đ và lãi phạt trên lãi quá hạn là 11.932.985.727đ.

2. Các khoản nợ lãi trên tiếp tục tính kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 16/2015/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 02/11/2015; số 17/2015/HĐTD-PVB- CNĐN; Số 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016; Hợp đồng hạn mức tín dụng Số 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/VB-CNĐN ngày 24/01/2017 cho đến khi tất toán.

3. Về thời hạn thanh toán:

3.1. Từ tháng 5/2021 đến hết tháng 10/2021 Công ty M thanh toán cho Công ty TNHH MTV A tổng cộng 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỉ đồng) tiền nợ gốc, theo thời hạn cụ thể như sau:

- Từ 01/5/2021 đến 31/5/2021 thanh toán 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng);*
- Từ 01/6/2021 đến 30/6/2021 thanh toán 2.000.000.000đ (Hai tỉ đồng);*
- Từ 01/7/2021 đến 31/7/2021 thanh toán 4.000.000.000đ (Bốn tỉ đồng);*
- Từ 01/8/2021 đến 31/8/2021 thanh toán 6.000.000.000đ (Sáu tỉ đồng);*
- Từ 01/9/2021 đến 30/9/2021 thanh toán 8.000.000.000đ (Tám tỉ đồng);*
- Từ 01/10/2021 đến 31/10/2021 thanh toán 4.000.000.000đ (Bốn tỉ đồng).*

3.2. Ngày 01/11/2021 Công ty M thanh toán hết tất cả các khoản nợ gốc và lãi còn lại (bao gồm cả khoản lãi phát sinh từ ngày 27/10/2020).

3.3. Trường hợp Công ty M vi phạm một trong các thời hạn thanh toán như thỏa thuận trên thì Công ty TNHH MTV A có quyền yêu cầu thi hành án tất cả các khoản nợ trên của Công ty M.

4. Trường hợp Công ty M không thanh toán được toàn bộ khoản nợ vay thì Công ty TNHH MTV A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại đồng thời hoặc lần lượt các tài sản thế chấp như sau để thu hồi nợ vay:

- Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 12, diện tích: 525,1m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích đất thương mại, dịch vụ, thời hạn lâu dài, địa chỉ thửa đất:

203-211 (cũ), 331-337 (mới) đường Nguyễn Văn L, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA443870, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT24736 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/6/2015 và công trình khách sạn M có diện tích xây dựng là 491,4m², diện tích sàn: 9632,9m², công trình cấp 2, số tầng 01 tầng bán hầm, 01 tầng lửng và 16 tầng nổi theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 05 tháng 11 năm 2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01- 26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 24 tháng 01 năm 2017 được ký giữa Ngân hàng với Công ty M.

- Toàn bộ máy móc thiết bị công trình Khách sạn M được mô tả theo Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 03-03/2013/HĐKT ngày 25/11/2013 được ký giữa Công ty M với Công ty CP V và các hợp đồng mua bán thiết bị khác cho Khách sạn M theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 28/2015/HĐBĐ-PVB- CNĐNg ngày 19 tháng 01 năm 2016 được ký giữa Ngân hàng với Công ty M.

- Xe ô tô hiệu Mercedes-Benz biển kiểm sát số 43A-216.08 chủ sở hữu Công ty M theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 22/2016/HĐBĐ-PVB-CNĐN ngày 27 tháng 7 năm 2016 được ký giữa Ngân hàng với Công ty M..

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên bố các quy định về thi hành án.

Ngày 12/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm của Công ty M đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên, trong đơn có nội dung số tiền lãi phạt trên lãi quá hạn 11.932.985.727 đồng là không đúng và vi phạm pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 122/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 03/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng căn cứ khoản 5 Điều 343 và khoản 1 Điều 347 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm: Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo hướng không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với khoản tiền lãi phạt trên lãi quá hạn là 11.932.985.727 đồng, tiếp tục tính lãi đối với khoản tiền lãi phạt trên lãi quá hạn kể từ ngày 27/10/2020 và án phí liên quan đến khoản tiền lãi phạt trên lãi quá hạn nêu trên.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị xử hủy Bản án phúc thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đã quy định: *“Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn”*. Do vậy, các hợp đồng tín dụng mà Công ty M và Ngân hàng đã thỏa thuận về lãi suất quá hạn (=150% lãi suất vay trong hạn) nhưng còn thỏa thuận về lãi phạt chậm trả đối với số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là lãi chồng lãi, phạt chồng phạt, vi phạm khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Như vậy, Bộ luật dân sự năm 2015 không quy định việc bên vay phải có nghĩa vụ trả lãi phạt quá hạn.

Tại Án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 có nội dung: *“[5] Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm căn cứ theo thỏa thuận của các bên tại khoản 5.4 Điều 5 Hợp đồng tín dụng về lãi phạt phạt chậm trả trên số lãi chưa thanh toán “lãi phạt chậm trả là quá 10 ngày kể từ ngày đáo hạn, mức lãi phạt là 2% trên số lãi chưa thanh toán; quá 30 ngày kể từ ngày đáo hạn, mức lãi phạt là 5% trên số lãi chưa thanh toán” để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty B phải trả số tiền lãi phạt chậm trả 123.254.156 đồng là không đúng pháp luật, không được chấp nhận vì đây là lãi chồng lãi. Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra sai sót này, vẫn giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm là không đúng.”*

Việc Công ty TNHH MTV A và bị đơn Công ty M thỏa thuận về phần lãi phạt chậm trả đối với số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán và tiếp tục tính các khoản nợ lãi trên kể từ ngày 27/10/2020 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết là trái pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên là có sai lầm trong

việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty M.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 122/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 03/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo hướng không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với khoản tiền lãi phạt trên lãi quá hạn là 11.932.985.727 đồng, tiếp tục tính lãi đối với khoản tiền lãi phạt trên lãi quá hạn kể từ ngày 27/10/2020 và án phí liên quan đến khoản tiền lãi phạt trên lãi quá hạn nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa giám đốc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị xử hủy Bản án phúc thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại.

Đối chiếu với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và hướng dẫn tại mục [5] Án lệ số 11/2017/AL thì nội dung Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 122/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 03/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa giám đốc thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 349 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 122/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 03/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2020/KDTM-PT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Công ty TNHH MTV A với bị đơn là Công ty M.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng (2 bản kèm theo hồ sơ vụ án để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm);
- Vụ PC và QLKH - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận K, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tấn Hoàng

Lê Phước Thanh

Nguyễn Cường